

## THÔNG TIN

### TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TRUNG QUỐC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2006

Ngày 18/07/2006, Vụ trưởng Vụ thống kê tổng hợp kinh tế quốc dân, Người phát ngôn báo chí Cục Thống kê nhà nước, ông Trịnh Kinh Bình đã công bố trước báo chí về tình hình Trung Quốc 6 tháng đầu năm 2006 như sau:

#### **1. Kinh tế quốc dân tăng trưởng ổn định nhanh chóng**

Theo tính toán sơ bộ, sáu tháng đầu năm, GDP đạt 9144,3 tỉ NDT, tăng trưởng 10,9% so với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng trưởng nhanh 0,9%. Trong đó, giá trị gia tăng sản nghiệp thứ I đạt 828,8 tỉ NDT, tăng 5,1%; giá trị gia tăng sản nghiệp thứ II đạt 4680 tỉ NDT, tăng 13,2%; giá trị gia tăng sản nghiệp thứ III đạt 3635,5 tỉ NDT, tăng 9,4%.

#### **2. Tình hình sản xuất nông nghiệp tương đối tốt**

Vụ hè liên tiếp năm thứ ba được mùa, tổng sản lượng đạt 113,8 triệu tấn, tăng sản lượng 7,4 triệu tấn, tăng trưởng 7,0%. Vụ chiêm tình hình khá tốt. Sáu tháng đầu năm, sản lượng thịt các loại, lợn, bò, cừu, gia cầm 36,05 triệu tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước.

Kết quả điều tra giá cả sản xuất của Cục Thống kê nhà nước đối với 31000 đơn vị sản xuất kinh doanh nông nghiệp trên cả nước cho thấy, giá sản xuất hàng

nông sản toàn quốc 6 tháng đầu năm (*chỉ giá cả thời điểm người sản xuất hàng nông sản trực tiếp bán ra*) giảm xuống 1,0% so với cùng kỳ năm trước, giá sản phẩm ngành trồng trọt, lâm nghiệp và ngư nghiệp tăng lần lượt là 4,9%, 10,5% và 3,8%, giá sản phẩm ngành chăn nuôi giảm xuống 11,5%.

Trong sản phẩm ngành trồng trọt, giá sản xuất lương thực giảm xuống 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngũ cốc giảm xuống 0,5%, tiểu mạch giảm xuống 4,0%, gạo tăng lên 0,4%, ngô tăng 0,4%, đỗ các loại giảm 5,4%, khoai các loại tăng 11,7%. Giá bông tăng 14,3%, giá nguyên liệu dầu giảm 1,7%, giá nguyên liệu đường tăng 32,8%, giá rau và hoa quả tăng lần lượt là 11,6% và 18,3%, giá chè tăng 6,8%, giá thuốc lá giảm 5,6%.

Trong các sản phẩm lâm nghiệp, giá sản xuất gỗ nguyên liệu tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, tre nguyên liệu tăng 11,6%, vỏ cây và quả lâm sản tăng 12,9%.

Trong sản phẩm ngành chăn nuôi, giá lợn sống giảm 20,2% so với cùng kỳ năm trước, giá thịt bò giảm 0,3%, giá cừu tăng 1,3%, gia cầm và trứng gia cầm giảm xuống lần lượt là 7,0% và 7,3%, sản phẩm sữa tăng 3,6%, sản phẩm lông nhung tăng 8,1%.

Trong các sản phẩm ngư nghiệp, giá hải sản tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước, cá biển các loại tăng 7,0%, sò biển các loại tăng 11,0%; sản phẩm nước ngọt tăng 0,1%, cá nước ngọt các loại giảm xuống 0,5%, tôm cua nước ngọt tăng 11,2%.

#### **3. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng nhanh chóng**

Sáu tháng đầu năm, các xí nghiệp công nghiệp có quy mô trên cả nước (*toàn bộ các xí nghiệp quốc doanh và các xí nghiệp phi quốc doanh doanh số tiêu thụ sản phẩm/năm 5 triệu trở lên*) hoàn thành giá trị gia tăng công nghiệp là 3968 tỉ NDT, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước (tháng 6 là 781,8 tỉ NDT, tăng 19,5%). Trong đó, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có cổ phần không chế tăng trưởng 11,8%, doanh nghiệp cổ phần tăng 18,7%, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và của Đài Loan, Hồng Công Ma Cao tăng 19,0%.

Trong ngành công nghiệp, công nghiệp nặng tăng trưởng 18,5%, công nghiệp nhẹ tăng 15,8%.

Trong các ngành nghề chủ yếu, ngành dệt tăng 15,4%, ngành nguyên liệu hoá chất và sản xuất chế phẩm hoá chất tăng 19,8%, ngành chế phẩm khoáng chất phi kim loại tăng 22,1%, ngành luyện kim đen và gia công cán, kéo tăng 16,3%, ngành chế tạo thiết bị thông dụng tăng 21,8%, ngành chế tạo thiết bị giao thông vận tải tăng 24,1%, ngành chế tạo khí tài và cơ giới điện khí tăng 15,8%, ngành chế tạo thiết bị thông tin, máy tính và các thiết bị điện tử khác tăng 25,7%, ngành sản xuất và cung cấp điện lực nhiệt lực tăng 12,2%.

Trong các sản phẩm chủ yếu, than đá, dầu thô và lượng điện sản xuất lần lượt là 0,96 tỉ tấn, 91,66 triệu tấn 1268,7 tỉ kw/h tăng lần lượt 12,8%, 2,1% và 12% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gang, thép thô, thép vật liệu là 193,2 triệu tấn, 199,47 triệu tấn và 221,95 triệu tấn, tăng lần lượt là 20,8%, 18,3% và 25,8%; xi măng 0,54 tỉ tấn tăng

20,8%; máy tính điện tử cỡ nhỏ và tổng đài điện thoại tự động tăng lần lượt là 34% và 21,5%; xe hơi 3,89 triệu chiếc tăng 27,8%, trong đó xe con 2,01 triệu chiếc tăng 53,2%.

Tỉ lệ tiêu thụ sản phẩm các xí nghiệp công nghiệp là 97,47%, giảm 0,12% so với cùng kỳ năm trước. Các xí nghiệp công nghiệp thực hiện giá trị giao hàng xuất khẩu 2688,1 tỉ NDT, tăng 24,9%.

Sáu tháng đầu năm, các doanh nghiệp công nghiệp có quy mô trên cả nước (*toàn bộ các xí nghiệp quốc doanh và các xí nghiệp phi quốc doanh doanh số tiêu thụ sản phẩm/năm 5 triệu trở lên*) thực hiện lợi nhuận 810,7 tỉ NDT, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số tổng hợp hiệu quả kinh tế công nghiệp 182,75, tăng 15,66 điểm so với cùng kỳ năm trước.

Trong các doanh nghiệp có quy mô trở lên, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có cổ phần không chế thực hiện lợi nhuận là 364,2 tỉ NDT tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước; doanh nghiệp tập thể thực hiện lợi nhuận 24,6 tỉ NDT tăng 33,4%; doanh nghiệp cổ phần thực hiện lợi nhuận 440,6 tỉ NDT tăng 30,5%; doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Đài Loan, Hồng Công, Ma Cao đầu tư lợi nhuận 224,1 tỉ NDT tăng 26,6%; doanh nghiệp tư nhân thực hiện lợi nhuận 118,2 tỉ NDT tăng 52,9%.

Trong 39 ngành công nghiệp lớn, lợi nhuận ngành khai thác dầu mỏ và khí đốt tăng 48,9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận ngành công nghiệp luyện kim màu và gia công cán, kéo tăng 99,3%, lợi nhuận ngành chế tạo thiết bị giao thông vận tải tăng 61,1%, lợi nhuận ngành điện

lực tăng 37,5%, ngành điện tử thông tin tăng 26,6%, ngành than tăng 13,3%, ngành hoá chất tăng 13,7%, ngành sợi hoá học tăng 51,5%, ngành gang thép giảm 20%, chỉ có ngành chế biến dầu và luyện than coking 27,7 tỉ NDT.

Tổng mức thuế của các xí nghiệp có quy mô trở lên là 625,1 tỉ NDT, tăng 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó mức thuế các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có cổ phần khống chế là 355,3 tỉ NDT, tăng 18,3%.

Các xí nghiệp công nghiệp có quy mô trở lên có thu nhập từ nghiệp vụ kinh doanh chính là 13.900 tỉ NDT, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong

đó các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có cổ phần khống chế thực hiện là 4.648,6 tỉ NDT, tăng 20,2%.

Đến cuối tháng sáu, các doanh nghiệp công nghiệp có quy mô trở lên có số dư nợ phải thu là 2.920,7 NDT, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có cổ phần khống chế có số dư nợ phải thu là 754,7 tỉ NDT, tăng 8,1%. Tổng trị giá thành phẩm công nghiệp là 1.345,6 tỉ NDT, tăng 16,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có cổ phần khống chế có 369,8 tỉ NDT, tăng 10,5%.

## Trung Quốc – Nhận thức khác nhau về ....

(Tiếp theo trang 83)

thứ ba, chủ doanh nghiệp tư nhân đã trở thành một quần thể xã hội độc lập, nhưng do sự khác biệt lớn trong nội bộ và tính phức tạp kỳ lạ của nó nên chưa hình thành một tổ chức chính trị độc lập. Có điều, ông cho rằng: “*Chủ doanh nghiệp tư nhân ở Trung Quốc cuối cùng cũng sẽ trở thành một giai cấp hoàn chỉnh*”<sup>(2)</sup>

### HOÀI NAM

Theo sách “*Những điểm nóng về lý luận: 11 vấn đề gây tranh luận*”. Nxb Văn hiến KHXH, Bắc Kinh, 2005, tr 156-157

### CHÚ THÍCH:

1. Trần Quang Kim: *Báo cáo khảo sát sự phát triển của xí nghiệp tư doanh ở huyện Nam Hoa tỉnh Vân Nam* – trong tài liệu “Nghiên cứu chuyên đề khuyến khích và hướng dẫn sự phát triển lành mạnh của kinh tế tư doanh năm 2001”.

2. Đới Kiến Trung: *Nghiên cứu về chủ doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí “Nghiên cứu xã hội học”, số 5-2001